

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & BẤT ĐỘNG SẢN ĐĂNG PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & BẤT ĐỘNG SẢN ĐĂNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101601068

**3. Ngày thành lập:** 12/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 57, khu vực 11, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0988 251 756

Fax:

Email: hoaphatlandquynhon@gmail.com Website: huuhoaland.com  
m

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, khung nhà tiền chế; Gia công chế tạo sản phẩm bằng inox và nhôm kính (trừ xi mạ) (không gia công tại trụ sở) | 2592     |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                | 4101     |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng nhà xưởng                                                                                                                                                          | 4102     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                    | 4211     |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                     | 4212     |
| 6.  | Xây dựng công trình điện<br>(doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)             | 4221     |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                              | 4222     |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                               | 4223     |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                | 4229     |
| 10. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                         | 4291     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                            | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                       | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                           | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                  | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                   | 4329     |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                   | 4330     |

Thời gian đăng từ ngày 12/07/2021 đến ngày 11/08/2021

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390 |
| 18. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                     | 4511 |
| 19. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                             | 4512 |
| 20. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                      | 4530 |
| 21. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                       | 4541 |
| 22. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                   | 4543 |
| 23. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hóa, môi giới hàng hóa (trừ đấu giá tài sản)                                                                | 4610 |
| 24. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633 |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651 |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653 |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659 |
| 29. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 30. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |
| 31. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 32. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 33. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 35. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.                            | 5510 |
| 36. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, quán cà phê (trừ quầy bar, vũ trường)                                                  | 5610 |
| 37. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống                                                                                             | 5629 |
| 38. | Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán<br>Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa                                                                                       | 6612 |
| 39. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).                                | 6619 |
| 40. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                   | 6810 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 41. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ tư vấn pháp luật); Sàn giao dịch bất động sản; Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng (trừ đấu giá tài sản)                                    | 6820(Chính)                                                  |
| 42. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                                                                              | 7010                                                         |
| 43. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>-(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).                                                                                                                                                                                                      | 7020                                                         |
| 44. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế công trình giao thông; Thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống điện, công trình điện dân dụng, điện công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy. | 7110                                                         |
| 45. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                              | 7410                                                         |
| 46. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; tư vấn về môi trường; môi giới thương mại; Tư vấn về công nghệ.                                                                                                  | 7490                                                         |
| 47. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; tư vấn về môi trường; môi giới thương mại; Tư vấn về công nghệ.                                                                                                                                | 7729                                                         |
| 48. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                              | 7730                                                         |
| 49. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                              | 7911                                                         |
| 50. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                       | 7912                                                         |
| 51. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                         | 7990                                                         |
| 52. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                       | 8211                                                         |
| 53. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                    | 8219                                                         |
| 54. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4752                                                         |
| 55. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                                 | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 215012974

Ngày cấp: 16/12/2015

Nơi cấp: Công an Bình Định

Địa chỉ thường trú: Tổ 57, khu vực 11, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 57, khu vực 11, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định